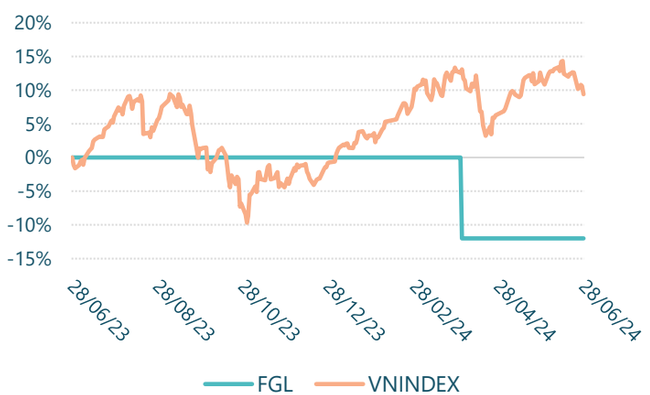
CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	11,000 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	0%	-12.0%	-12.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	161
Số lượng CPLH (CP)	14,676,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	-767
P/E	-14.3

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

0.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.13 | 661%

YoY: ▲ 0.11 | 281%

LN gộp

Q2/24

0.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.04 | 180%

YoY: ▲ 0.05 | 460%

LN trước thuế

Q2/24

-2.87

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.48 | -20.1%

YoY: ▲ 0.74 | 20.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

282%

YoY: +/-▲ 121%

ROE (TTM)

Q2/24

-22.2%

YoY: +/-▼ 3.3%

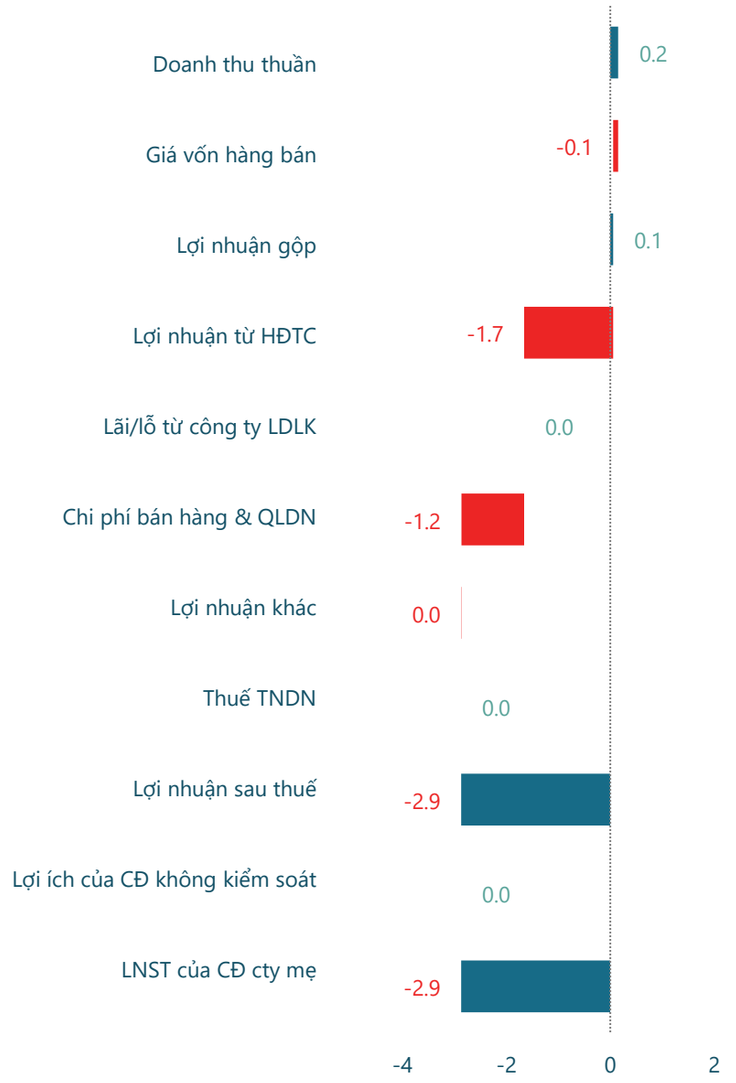
ROA (TTM)

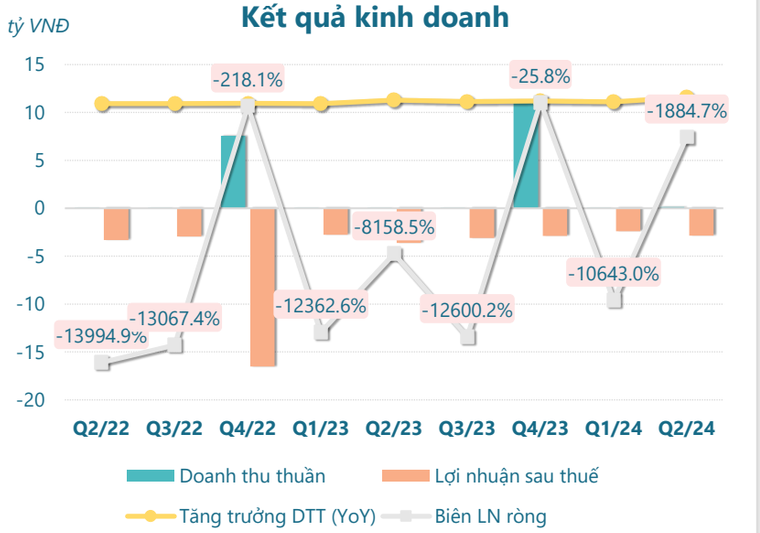
Q2/24

-7.4%

YoY: +/-▲ 0.2%

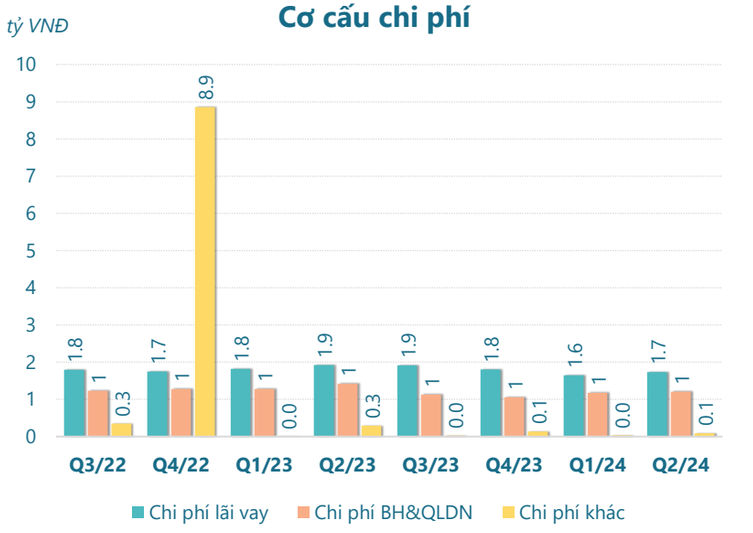
Kết quả kinh doanh Q2/24





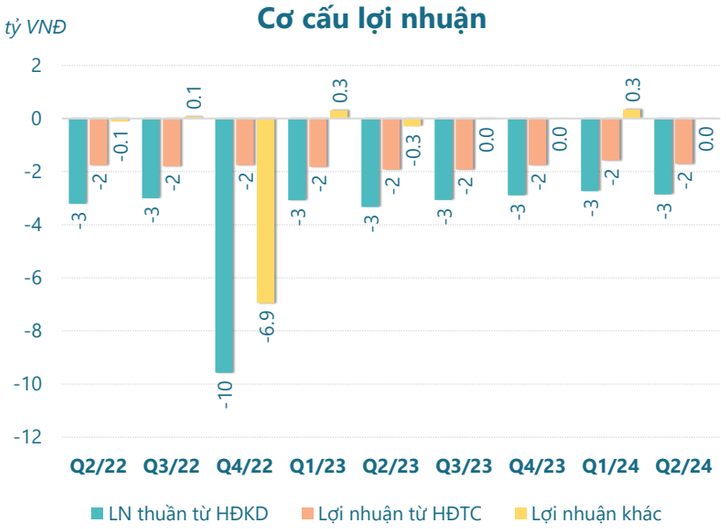
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 0.13 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.47 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.71 tỷ đồng** giảm đi 0.13 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.21 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** giảm đi 103% so với kỳ trước và tăng thêm 0.27 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **FGL** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **0.15 tỷ đồng** tăng thêm **275%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 2.87 tỷ đồng**, **tăng thêm 0.74 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **0.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **0.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -5.00 tỷ đồng** tăng thêm 1.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.74 tỷ đồng** tăng thêm 5.45% so với kỳ trước và thấp hơn 9.38% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.21 tỷ đồng** tăng thêm 2.54% so với kỳ trước và thấp hơn 14.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.09 tỷ đồng** tăng thêm 200% so với kỳ trước và thấp hơn 69.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.15**	**0.02**	**661%**	**0.04**	**281%**	**0.17**	**0.07**	**162%**
Giá vốn hàng bán	0.10	0.00		0.04	141%	0.10	0.04	163%
Lợi nhuận gộp	0.06	0.02	180%	0.01	460%	0.08	0.03	161%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.07	-64.7%	0.00		0.10	0.00	2847%
Chi phí TC	1.74	1.65	5.3%	1.92	-9.5%	3.39	3.74	-9.5%
Chi phí lãi vay	1.74	1.65	5.3%	1.92	-9.5%	3.39	3.74	-9.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.00		0.00	0	
Chi phí QLDN	**1.20**	**1.18**	**2.1%**	**1.42**	**-15.2%**	**2.38**	**2.70**	**-11.7%**
LN thuần từ HĐKD	-2.86	-2.73	-4.8%	-3.33	14.1%	-5.59	-6.40	12.6%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.34**	**-102%**	**-0.28**	**97.0%**	**0.34**	**0.02**	**1569%**
LN trước thuế	-2.87	-2.39	-20.1%	-3.61	20.5%	-5.26	-6.38	17.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.87**	**-2.39**	**-20.1%**	**-3.61**	**20.5%**	**-5.26**	**-6.38**	**17.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.87**	**-2.39**	**-20.1%**	**-3.61**	**20.5%**	**-5.26**	**-6.38**	**17.6%**

